VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2021/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2021*

NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phòng cháy chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 32/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay tại Việt Nam bao gồm:

a) Nguyên tắc và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Quy hoạch và thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

c) Mở, đóng cảng hàng không, sân bay;

d) Cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay;

đ) Cấp giấy phép kinh doanh cảng hàng không;

e) Quản lý công tác đầu tư xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay;

g) Quản lý hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay;

h) Hoạt động kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay.

2. Nghị định này không áp dụng đối với sân bay chuyên dùng, trừ các quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Doanh nghiệp cảng hàng không là doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện, tổ chức quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và được Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay là tổ chức trực tiếp khai thác kết cấu hạ tầng sân bay và các công trình thiết yếu khác của cảng hàng không, sân bay, trừ các công trình và cơ sở bảo đảm hoạt động bay do doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay quản lý, khai thác và được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Kết cấu hạ tầng cảng hàng không bao gồm:

a) Kết cấu hạ tầng sân bay;

b) Công trình, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay;

c) Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không, khẩn nguy sân bay ngoài sân bay;

d) Công trình hàng rào cảng hàng không; đường giao thông nội cảng ngoài sân bay; công trình cấp điện; công trình cấp, thoát nước; công trình chiếu sáng; công trình thông tin liên lạc;

đ) Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường ngoài sân bay;

e) Công trình nhà ga hành khách, nhà khách phục vụ ngoại giao, khu logistics hàng không, nhà ga hàng hóa, kho hàng hóa kèm khu tập kết hàng hoá;

g) Công trình dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; dịch vụ kỹ thuật hàng không; dịch vụ suất ăn hàng không; dịch vụ xăng dầu hàng không.

4. Kết cấu hạ tầng sân bay bao gồm các công trình:

a) Đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và các công trình, khu phụ trợ của sân bay;

b) Công trình khẩn nguy sân bay và công trình phòng, chống cháy nổ trong sân bay;

c) Công trình hàng rào vành đai sân bay, bốt gác và đường giao thông nội cảng trong sân bay;

d) Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường trong sân bay;

đ) Bãi tập kết phương tiện, thiết bị mặt đất, khu vực tra nạp nhiên liệu cho phương tiện, thiết bị mặt đất;

e) Các công trình khác thuộc khu bay.

5. Khu bay là phần sân bay dùng cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và lăn, bao gồm cả khu cất hạ cánh và các sân đỗ tàu bay.

6. Công trình bao gồm tổ hợp các hạng mục công trình chính và các hạng mục công trình phụ trợ. Hạng mục công trình chính là hạng mục công trình có quy mô, công năng quyết định đến mục tiêu đầu tư của dự án.

7. Người khai thác công trình là tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thuộc cảng hàng không, sân bay.

8. Đường giao thông nội cảng là đường giao thông trong ranh giới cảng hàng không, bao gồm đường giao thông nội cảng trong sân bay và đường giao thông nội cảng ngoài sân bay nhưng không bao gồm đường giao thông do địa phương quản lý.

9. Các công trình thiết yếu của cảng hàng không là hệ thống các công trình tối thiểu thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, đảm bảo cảng hàng không, sân bay có thể được đưa vào và duy trì khai thác, tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn khai thác và đảm bảo chất lượng dịch vụ theo quy định của pháp luật, gồm:

a) Kết cấu hạ tầng sân bay;

b) Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không, khẩn nguy sân bay ngoài sân bay; công trình hàng rào cảng hàng không;

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cảng hàng không, sân bay gồm: đường giao thông nội cảng ngoài sân bay; công trình cấp điện; công trình cấp, thoát nước; công trình chiếu sáng; công trình thông tin liên lạc; công trình bảo vệ môi trường;

d) Nhà ga hành khách, nhà khách phục vụ ngoại giao, nhà ga hàng hóa, kho hàng hóa kèm khu tập kết hàng hóa;

đ) Công trình, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay.

10. Hợp đồng giao kết là hợp đồng giữa doanh nghiệp cảng hàng không và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay nhằm đảm bảo an ninh, an toàn, chất lượng dịch vụ, môi trường và phù hợp với điều kiện khai thác tại cảng hàng không, sân bay theo tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay; bao gồm nội dung quyền và trách nhiệm của mỗi bên, giá nhượng quyền khai thác dịch vụ, thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh, an toàn hàng không. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay; giữa các cơ quan, đơn vị hàng không dân dụng và quân sự tại sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp khai thác sân bay, trừ các công trình do doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay khai thác; chịu trách nhiệm đảm bảo toàn bộ các hoạt động khai thác, an ninh, an toàn tại sân bay và được cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Bảo đảm dây chuyền hoạt động cảng hàng không, sân bay thống nhất, đồng bộ, liên tục, hiệu quả. Bảo đảm chất lượng dịch vụ, cạnh tranh lành mạnh, văn minh, lịch sự, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay.

4. Bảo đảm sự phát triển đồng bộ hệ thống cảng hàng không, sân bay phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải, quy hoạch cảng hàng không, sân bay, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, địa phương, xu thế phát

triển hàng không dân dụng quốc tế và đáp ứng nhu cầu phát triển vận tải hàng không của Việt Nam.

5. Trường hợp nhà nước cần trưng dụng một phần hoặc toàn bộ kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

6. Cảng hàng không, sân bay, công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay được thiết kế, khai thác theo tiêu chuẩn của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay phải được kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất và bảo trì để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn khai thác áp dụng, tài liệu khai thác đã được ban hành.

8. Việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do nhà nước đầu tư, quản lý và tài sản kết cấu hạ tầng hàng không gắn với mặt đất, mặt nước chưa tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì thực hiện theo pháp luật về quản lý tài sản công.

9. Việc quản lý, sử dụng và khai thác kết cấu hạ tầng hàng không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia được thực hiện theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

10. Bảo đảm công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cảng hàng không

1. Quản lý, tổ chức khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị của cảng hàng không, sân bay thuộc quyền sở hữu hoặc được nhà nước giao, cho thuê quyền khai thác hoặc được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác theo quy định của pháp luật, bao gồm các hình thức sau:

a) Trực tiếp quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị tại cảng hàng không, sân bay, đảm bảo an ninh, an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật;

b) Giao hoặc thuê tổ chức trực tiếp khai thác cảng hàng không, sân bay; trường hợp này thì doanh nghiệp cảng hàng không vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, tổ chức khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Lập kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay theo quy hoạch cảng hàng không đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với nhu cầu phát triển, phù hợp với việc khai thác cảng hàng không, sân bay; tổ chức thực hiện đầu tư, xây dựng theo kế hoạch được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

3. Ký hợp đồng giao kết theo quy định với doanh nghiệp được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

4. Xây dựng, bảo trì, duy trì hoạt động các công trình hệ thống hàng rào an ninh, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung gồm đường giao thông nội cảng ngoài sân bay, công trình cấp điện, công trình cấp nước, công trình thoát nước, công trình bảo vệ môi trường, công trình thông tin liên lạc và các công trình thiết yếu của cảng hàng không, trừ các công trình thuộc phạm vi quản lý, khai thác của doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay.

5. Đầu tư, trang bị công cụ, công nghệ, các phần mềm hỗ trợ, phục vụ cho việc kiểm soát, điều hành sân bay theo năng lực khai thác và giờ cất hạ cánh của tàu bay, sử dụng sân đỗ tàu bay, phối hợp hiệp đồng ra quyết định tại cảng hàng không, sân bay theo yêu cầu và kế hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phối hợp với các cơ quan của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cảng hàng không, sân bay theo yêu cầu và kế hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 64 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải đảm bảo nhân sự chủ chốt trong việc khai thác, duy trì điều kiện khai thác, đảm bảo an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay tối thiểu gồm:

a) Giám đốc hoặc người đứng đầu phụ trách khai thác sân bay;

b) Người phụ trách các lĩnh vực: đánh giá và báo cáo tình trạng đường cất hạ cánh; bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay, kiểm soát chất lượng sân bay; quản lý hoạt động xây dựng tại sân bay; quản lý vật ngoại lai; an toàn sân đỗ, an toàn khai thác đường cất hạ cánh; quản lý an toàn thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại sân bay.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về điều kiện, năng lực nhân sự chủ chốt của người khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Trực tiếp khai thác sân bay, trừ các công trình do doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay khai thác; chịu trách nhiệm đảm bảo toàn bộ các hoạt động khai thác, an ninh, an toàn tại sân bay; bảo vệ môi trường và chất lượng dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn áp dụng; duy trì đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Chủ trì điều phối các hoạt động cung cấp dịch vụ trong phạm vi được giao quản lý, khai thác tại cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Chủ trì phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay lập phương án vận hành tàu bay trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay;

b) Yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay thực hiện các giải pháp đảm bảo dây chuyền vận chuyển hàng không đồng bộ, thông suốt;

c) Kịp thời thống nhất xử lý, giải quyết những vướng mắc, tồn tại của các đơn vị cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay trong phạm vi quyền và nghĩa vụ nhằm bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, chất lượng phục vụ hành khách, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường; tổ chức diễn tập khẩn nguy sân bay và thực hiện phương án khẩn nguy sân bay theo quy định;

d) Phối hợp với các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ Công an để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ bí mật nhà nước, phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

4. Quản lý, khai thác đồng bộ kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị của cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi được giao quản lý, khai thác và tài sản kết cấu hạ tầng cảng hàng không được nhà nước giao, cho thuê quyền khai thác hoặc được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác theo quy định của pháp luật, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, tài liệu khai thác sân bay; phối hợp thực hiện nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh; lập kế hoạch phòng chống dịch bệnh và tổ chức thực hiện khi xảy ra dịch bệnh theo yêu cầu của nhà chức trách hàng không.

5. Lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành và tổ chức thực hiện tài liệu khai thác sân bay, phương án khẩn nguy sân bay, đề án bảo vệ môi trường và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý hệ thống thống kê về lưu lượng chuyến bay, hành khách, hàng hóa thông qua cảng hàng không, sân bay.

7. Bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay, công trình được giao hoặc thuê quản lý, khai thác và trang thiết bị, đảm bảo duy trì điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay theo giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

8. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tại cảng hàng không, sân bay để triển khai mô hình phối hợp ra quyết định khai thác tại cảng hàng không, sân bay theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải.

9. Chủ trì, phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, đơn vị quân đội trong khu vực cảng hàng không, sân bay xây dựng văn bản hiệp đồng khai thác tại cảng hàng không, sân bay.

10. Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống công nghệ hỗ trợ kiểm tra, giám sát đối với người và phương tiện sau khi được cấp phép, hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không.

11. Phối hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, bảo vệ môi trường của cảng hàng không, sân bay; phối hợp xác định ranh giới, cắm và bảo vệ mốc giới cảng hàng không, sân bay và mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

12. Chia sẻ các dữ liệu gồm cơ sở dữ liệu và hệ thống công nghệ hỗ trợ kiểm tra, giám sát đối với người và phương tiện; dữ liệu về hệ thống thông tin phục vụ

hành khách và dữ liệu hệ thống thông tin có liên quan phục vụ công tác bảo đảm an ninh an toàn khai thác tại sân bay cho Cảng vụ hàng không để phục vụ việc kiểm tra, giám sát tại cảng hàng không, sân bay.

13. Đảm bảo độ chính xác và cung cấp thông tin dữ liệu hàng không, tin tức hàng không liên quan đến cảng hàng không, sân bay cho các cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay khi có yêu cầu.

14. Xây dựng bản đồ tiếng ồn cảng hàng không, gửi bản đồ tiếng ồn đã xây dựng đến Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không và Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với chính quyền địa phương để hạn chế tiếng ồn của hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay đến cộng đồng dân cư xung quanh cảng hàng không, sân bay.

15. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước doanh nghiệp cảng hàng không về khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

1. Thực hiện bảo trì, duy trì các điều kiện khai thác công trình; đảm bảo chất lượng dịch vụ trong phạm vi quản lý của người khai thác công trình; tuân thủ việc điều phối của người khai thác cảng hàng không, sân bay trong công tác đảm bảo chất lượng khai thác, an ninh, an toàn khai thác, bảo vệ môi trường và khẩn nguy cứu nạn theo quy định pháp luật.

2. Quản lý, khai thác công trình thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, tài liệu khai thác có liên quan; thực hiện các quy định an toàn hàng không, an ninh hàng không và chất lượng dịch vụ, bảo vệ môi trường; phối hợp thực hiện nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh hoặc phòng, chống dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay.

3. Bố trí vị trí làm việc cho các cơ quan quản lý nhà nước tại nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa và các công trình có liên quan theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không, phù hợp với quy trình, dây chuyền phục vụ hành khách, hàng hóa và đảm bảo nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước. Phối hợp với các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ Công an để thực hiện các biện

pháp bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ bí mật nhà nước, phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

4. Xây dựng hàng rào ranh giới phạm vi đất giao, đất thuê, đảm bảo các yêu cầu về an ninh, an toàn khai thác và bảo vệ ranh giới đất cảng hàng không, sân bay.

5. Phối hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, bảo vệ môi trường của cảng hàng không, sân bay.

Điều 8. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của nhà chức trách hàng không đối với hoạt động tại cảng hàng không, sân bay theo quy định.

2. Triển khai và giám sát thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công bố cấp sân bay và thông số kỹ thuật của cảng hàng không, sân bay.

3. Giao nhiệm vụ sân bay dự bị cho cảng hàng không, sân bay; hướng dẫn việc lập tài liệu khai thác sân bay, tài liệu khai thác công trình tại cảng hàng không, sân bay.

4. Phối hợp với các cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng để hướng dẫn công tác bảo đảm an ninh, an toàn sân bay chuyên dùng; thực hiện quy chế phối hợp trong việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của sân bay chuyên dùng khi khai thác thương mại.

5. Phối hợp với các cơ quan trực thuộc Bộ Công an trong công tác bảo đảm an ninh, công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động bảo đảm an ninh theo quy định.

6. Chủ trì, phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay. Công bố năng lực khai thác của cảng hàng không, sân bay; điều phối giờ hạ, cất cánh tại cảng hàng không, sân bay.

7. Chỉ đạo việc thiết lập, bảo vệ, duy trì chất lượng hệ thống thông tin bảo đảm hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay; việc nối mạng dữ liệu, phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay. Quản lý

số liệu thống kê về lưu lượng chuyến bay, hành khách, hàng hóa thông qua cảng hàng không, sân bay.

8. Chỉ đạo, hướng dẫn Cảng vụ hàng không thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay.

9. Xây dựng, lưu trữ, cập nhật hệ thống tài liệu kỹ thuật phục vụ việc cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay và hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy trình, tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành hàng không dân dụng phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu, tiêu chuẩn của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế liên quan tới việc thiết kế, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay.

10. Hướng dẫn, chỉ đạo, ban hành chỉ thị, huấn lệnh chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật và quy định của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế, bao gồm:

a) Tài liệu hướng dẫn về thiết kế cảng hàng không, sân bay;

b) Tài liệu hướng dẫn về khai thác, bảo đảm an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay;

c) Đề cương tài liệu khai thác sân bay;

d) Đề cương tài liệu khai thác công trình.

11. Tổ chức và triển khai lực lượng giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay theo tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

12. Chỉ đạo tổ chức và tiến hành kiểm tra, đánh giá việc duy trì điều kiện khai thác tại các cảng hàng không, sân bay tối thiểu 02 năm/lần đối với các cảng hàng không toàn quốc.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 9. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương xác định ranh giới, tổ chức cắm và bảo vệ mốc giới cảng hàng không, sân bay theo ranh giới đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bàn giao; phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, chính quyền địa phương thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

4. Kiểm tra, giám sát trực tiếp việc cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

5. Lưu trữ, cập nhật hệ thống tài liệu kỹ thuật phục vụ việc cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay và hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài do Cục Hàng không Việt Nam công nhận hoặc áp dụng liên quan tới việc thiết kế, vận hành, bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay.

6. Xây dựng, bảo trì hàng rào ranh giới đất cảng hàng không, sân bay đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đất, trừ hàng rào nằm trong phạm vi ranh giới đất đã được giao hoặc cho thuê đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay.

7. Chỉ đạo bố trí vị trí làm việc cho các cơ quan quản lý nhà nước làm việc thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay.

8. Tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp tại cảng hàng không, sân bay và chủ trì giải quyết các phản ánh, kiến nghị theo thẩm quyền hoặc chuyển giao, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết; yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ giải quyết những phản ánh, kiến nghị của khách hàng.

9. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình thi công xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay và việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

10. Phối hợp xử lý vi phạm trật tự xây dựng, lấn chiếm đất đai, sử dụng đất không phép tại cảng hàng không, sân bay theo thẩm quyền.

11. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không theo quy định.

12. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cảng hàng không, sân bay trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống khủng bố, khẩn nguy hàng không trực tiếp qua Ban chỉ đạo phòng chống khủng bố địa phương.

13. Phối hợp với các cơ quan trực thuộc Bộ Công an trong công tác bảo đảm an ninh, công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động bảo đảm an ninh theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp nơi có cảng hàng không, sân bay

1. Phối hợp thực hiện quy hoạch, xác định ranh giới, mốc giới, tổ chức cắm biển công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định và bảo vệ mốc giới cảng hàng không, sân bay; xác định ranh giới khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay; phê duyệt quy hoạch và cấp phép các công trình quảng cáo theo quy định của pháp luật về quảng cáo.

2. Bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, môi trường tại khu vực lân cận của cảng hàng không, sân bay; xử lý vi phạm về an ninh, an toàn hàng không tại khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay. Chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng theo quy định.

3. Phối hợp thực hiện công tác khẩn nguy sân bay, đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không và an ninh trật tự tại cảng hàng không sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay theo quy định pháp luật.

4. Quản lý hoạt động xây dựng các công trình, việc trồng cây xanh khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay đảm bảo các công trình, cây xanh không vi phạm bề mặt giới hạn chướng ngại vật của cảng hàng không, sân bay, của thiết bị cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động bay; phối hợp với người khai thác cảng hàng không,

sân bay thực hiện các biện pháp phù hợp để hạn chế tiếng ồn phát sinh trong hoạt động của cảng hàng không sân bay không ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh cảng hàng không.

5. Quản lý hoạt động chiếu đèn laze, đèn công suất lớn khu vực gần cảng hàng không, sân bay, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến an toàn hoạt động bay.

6. Kiểm soát quản lý hoạt động sử dụng phương tiện bay siêu nhẹ, không người lái, điều khiển tự động xung quanh cảng hàng không, sân bay, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến hoạt động bay theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không; không thực hiện các hành vi gây nguy hại đến hoạt động hàng không (đốt rơm rạ, thả diều, chiếu đèn laser, đèn chiếu sáng công suất lớn...) cho toàn thể quần chúng nhân dân ở địa bàn giáp ranh cảng hàng không, sân bay.

Chương II
QUY HOẠCH VỀ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 11. Quy định chung về quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Quy hoạch về cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc;

b) Quy hoạch cảng hàng không, sân bay được lập cho từng cảng hàng không, sân bay cụ thể.

2. Yêu cầu đối với các quy hoạch tại khoản 1 Điều này:

a) Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc được lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, của vùng, địa phương;

c) Đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

d) Đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành hàng không Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển hàng không dân dụng quốc tế;

đ) Bảo đảm các yếu tố về địa lý, dân số, phát triển vùng, miền; chính sách sử dụng đất nông nghiệp; bảo vệ môi trường;

e) Bảo đảm khai thác an toàn, hiệu quả cảng hàng không, sân bay.

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch và cơ quan lập quy hoạch:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch là Bộ Giao thông vận tải;

b) Cơ quan lập quy hoạch là cơ quan được cơ quan tổ chức lập quy hoạch giao nhiệm vụ lập quy hoạch.

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật với việc lập, công bố quy hoạch cảng hàng không, sân bay áp dụng theo quy định hiện hành.

Mục 1
QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY TOÀN QUỐC

Điều 12. Lập nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc

1. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc phải đảm bảo tuân thủ theo Điều 15 của Luật Quy hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết của Luật Quy hoạch, đồng thời phải đảm bảo một số nội dung chuyên ngành hàng không liên quan đến yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch như sau:

a) Luận cứ, cơ sở hình thành phạm vi, mục tiêu, định hướng phát triển và thời hạn quy hoạch;

b) Khái quát dự báo nhu cầu vận chuyển hàng không, nhu cầu phát triển của các ngành có liên quan, kinh tế xã hội của cả nước;

c) Các yêu cầu trong thu thập số liệu, phân tích, đánh giá hiện trạng và định hướng phát triển giao thông vận tải lĩnh vực hàng không dân dụng;

d) Xác định tính chất, vai trò cảng hàng không, sân bay; định hướng công suất cảng hàng không, cấp sân bay, loại tàu bay dự kiến khai thác, phương thức tiếp cận hạ cánh.

2. Cơ quan lập quy hoạch tiến hành lập nhiệm vụ quy hoạch, trình cơ quan tổ chức lập quy hoạch. Việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Điều 13. Nội dung quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay

1. Nội dung quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Quy hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết của Luật Quy hoạch, đồng thời phải đảm bảo một số nội dung chuyên ngành hàng không sau:

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bổ, sử dụng không gian của hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, trong đó làm rõ các nội dung gồm: hiện trạng hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc; những ưu thế, hạn chế của hệ thống cảng hàng không, sân bay và từng cảng hàng không, sân bay hiện hữu; khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành hàng không dân dụng;

b) Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc trong thời kỳ quy hoạch, trong đó làm rõ các nội dung gồm: dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển của ngành hàng không dân dụng trên thế giới; dự báo xu thế phát triển và kịch bản phát triển của ngành hàng không dân dụng Việt Nam trên cơ sở dự báo xu thế phát triển ngành hàng không dân dụng trên thế giới và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của cả nước, khu vực vùng, miền; dự báo nhu cầu vận chuyển hàng không dân dụng;

c) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành; những cơ hội và thách thức phát triển của hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, trong đó làm rõ các nội dung gồm: đánh giá về liên kết giữa hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc với các ngành giao thông khác và với quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội

của đất nước, phát triển kinh tế vùng, địa phương; xác định yêu cầu của phát triển đối với hệ thống cảng hàng không, sân bay về quy mô, công nghệ và địa bàn phân bố; những cơ hội và thách thức phát triển liên quan đến công nghệ, kỹ thuật, vận hành khai thác;

d) Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển của hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, trong đó làm rõ các nội dung gồm: mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc;

đ) Phương án phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ, trong đó làm rõ các nội dung gồm: xác định tính chất, vai trò cảng hàng không, sân bay, định hướng mạng đường bay, công suất cảng hàng không, cấp sân bay, loại tàu bay dự kiến khai thác, số lượng đường cất hạ cánh, phương thức tiếp cận hạ cánh; xác định các vấn đề cần xử lý về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia;

e) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia; bao gồm tổng diện tích đất dự kiến của từng cảng hàng không chiếm dụng trên địa bàn cả nước, vùng và tỉnh;

g) Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc và thứ tự ưu tiên thực hiện, trong đó làm rõ các nội dung gồm: đề xuất danh mục các cảng hàng không ưu tiên đầu tư xây dựng, xác định thứ tự ưu tiên;

h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch, trong đó làm rõ các nội dung gồm: ước toán chi phí đầu tư, đề xuất các giải pháp cụ thể cho từng nhóm cảng hàng không hoặc từng cảng hàng không kèm nguồn lực cụ thể;

i) Các nội dung khác do cơ quan tổ chức lập quy hoạch yêu cầu.

2. Cơ quan lập quy hoạch tiến hành lập quy hoạch, trình cơ quan tổ chức lập quy hoạch. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Mục 2
QUY HOẠCH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Quyết định cơ quan lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

2. Thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

3. Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Phê duyệt quy hoạch cảng hàng không, sân bay theo thẩm quyền.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng và trình nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay; gửi hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tới cơ quan, tổ chức liên quan để tổ chức thẩm định.

2. Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay theo quy định.

3. Tổ chức triển khai lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay theo nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

4. Cung cấp đầy đủ tài liệu theo quy định cho Hội đồng thẩm định và các cơ quan có liên quan khi tham gia ý kiến, thẩm định phê duyệt quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Chịu trách nhiệm về nội dung theo hợp đồng với cơ quan lập quy hoạch, bao gồm cả số lượng, thời gian thực hiện, tính chính xác và chất lượng của sản phẩm quy hoạch.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

Điều 17. Điều kiện về năng lực chuyên môn đối với tổ chức tư vấn lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay phải có các chuyên gia tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Chuyên gia tư vấn là chủ nhiệm đồ án quy hoạch cảng hàng không, sân bay phải có kinh nghiệm là chủ nhiệm 01 đồ án quy hoạch tối thiểu tương đương cùng cấp hoặc đã chủ trì thực hiện tối thiểu 02 đồ án quy hoạch cấp thấp hơn hoặc trực tiếp tham gia lập ít nhất 03 đồ án quy hoạch trong lĩnh vực hàng không.

3. Chuyên gia tư vấn tham gia lập đồ án quy hoạch cảng hàng không, sân bay phải có bằng đại học trở lên, đã có 03 năm kinh nghiệm chuyên môn trong công việc đảm nhận.

Điều 18. Thời hạn lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Thời hạn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay không quá 03 tháng.

2. Thời hạn lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay theo nhiệm vụ lập quy hoạch được duyệt.

3. Thời hạn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch và thời hạn lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay quy định tại khoản 1 và 2 Điều này không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

Điều 19. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Căn cứ xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay:

a) Quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh có liên quan, bảo đảm phù hợp với các quy hoạch cao hơn và phù hợp với quy hoạch chung đô thị trong trường hợp vị trí xây dựng cảng hàng không, sân bay nằm trong phạm vi ranh giới hành chính đô thị;

b) Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

c) Báo cáo rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch thời kỳ trước.

2. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay:

a) Căn cứ, quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch; phạm vi và thời kỳ quy hoạch;

b) Yêu cầu về phương pháp, nội dung lập quy hoạch như: xác định tính chất, vai trò cảng hàng không, sân bay; dự báo sơ bộ tính chất, quy mô cảng hàng không, sân bay cùng các chỉ tiêu cơ bản về đất đai cho thời kỳ quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật; xác định yêu cầu về khảo sát, đánh giá hiện trạng, điều kiện tự nhiên, điều kiện địa hình, phạm vi, khối lượng khảo sát của khu vực quy hoạch; xác định các yêu cầu đối với từng phân khu chức năng, các hạng mục công trình chính cùng hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo;

c) Xác định các yêu cầu về bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác phù hợp với mục tiêu phát triển của cảng hàng không, sân bay;

d) Yêu cầu về sản phẩm quy hoạch (thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ);

đ) Thời hạn lập quy hoạch, kế hoạch lập quy hoạch và trách nhiệm của các cơ quan trong việc tổ chức lập quy hoạch;

e) Dự toán chi phí và nguồn vốn lập quy hoạch;

g) Các nội dung khác do cơ quan tổ chức lập quy hoạch yêu cầu.

Điều 20. Tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định.

2. Hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

b) Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

c) Tài liệu khác (nếu có).

3. Nội dung thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay:

a) Sự phù hợp với các căn cứ pháp lý;

b) Sự phù hợp, tính khoa học, độ tin cậy của nội dung và phương pháp lập quy hoạch;

c) Sự phù hợp giữa nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch với dự toán chi phí và nguồn vốn để lập quy hoạch;

d) Tính khả thi của kế hoạch lập quy hoạch.

4. Thời gian thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 45 ngày tính từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị có chức năng thẩm định nhận đủ hồ sơ trình thẩm định.

5. Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay:

a) Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay phải thể hiện các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định, Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị có chức năng thẩm định phải gửi Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tới cơ quan lập quy hoạch;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

Điều 21. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

b) Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

c) Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

d) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định (nếu có) về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

đ) Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay đã được chỉnh lý, hoàn thiện;

e) Tài liệu khác (nếu có).

2. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi, đối tượng quy hoạch;

b) Các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch;

c) Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch;

d) Thời hạn lập quy hoạch;

đ) Số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch;

e) Chi phí lập quy hoạch;

g) Trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình lập quy hoạch;

h) Các nội dung khác do cơ quan phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch giao.

Điều 22. Nội dung quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Nội dung quy hoạch cảng hàng không, sân bay gồm các nội dung sau:

a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng đất xây dựng, dân cư, hạ tầng kỹ thuật, địa hình; đánh giá các dự án, các quy hoạch đã và đang triển khai trong khu vực;

b) Xác định tính chất, vai trò, quy mô cảng hàng không, chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch;

c) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: xác định vị trí và ranh giới các khu chức năng trong khu vực quy hoạch;

d) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung: hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến mạng lưới đường nội cảng của cảng hàng không, sân bay bao gồm xác định mạng lưới đường giao thông nội cảng ngoài sân bay, mặt cắt đường; xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết; xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối,

trạm khí đốt; mạng lưới đường dẫn và chiếu sáng; xác định nhu cầu sử dụng và mạng lưới thoát nước; xác định nhu cầu và mạng lưới hạ tầng thông tin liên lạc;

đ) Vị trí, quy mô hệ thống các hạng mục công trình khu bay; hướng đường cất hạ cánh;

e) Vị trí các hạng mục công trình bảo đảm hoạt động bay;

g) Vị trí, quy mô các công trình cung cấp dịch vụ hàng không trong từng khu chức năng gồm: nhà ga hành khách; nhà ga hàng hóa, kho hàng hóa, khu tập kết hàng hoá; cơ sở cung cấp xăng dầu hàng không; cơ sở kỹ thuật thương mại mặt đất; cơ sở cung cấp suất ăn hàng không; cơ sở tập kết, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; trạm cấp nhiên liệu cho phương tiện, thiết bị hàng không; trạm kiểm định phương tiện, thiết bị hàng không; cơ sở kỹ thuật hàng không; công trình bảo đảm an ninh hàng không; hệ thống xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại, công trình thông tin liên lạc; vị trí và quy mô công trình, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, công trình cảnh quan khác (nếu có);

h) Vị trí, quy mô các công trình dịch vụ phi hàng không, công trình khác gồm: khu vực xây dựng trụ sở các cơ quan, đơn vị hoạt động tại cảng hàng không, sân bay; khu vực cách ly y tế đối với cảng hàng không quốc tế;

i) Vị trí, quy mô công trình bảo đảm an ninh hàng không, hệ thống khẩn nguy, cứu nạn;

k) Quy hoạch vùng trời, đường bay và phương thức bay phục vụ khai thác sân bay;

l) Bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, bản đồ tiếng ồn theo quy hoạch;

m) Hệ thống xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

n) Bản đồ cắm mốc giới theo quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

o) Tổng khái toán đầu tư và phân kỳ xây dựng.

2. Tỷ lệ bản đồ quy hoạch được lựa chọn phù hợp để thể hiện đầy đủ phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay, cụ thể:

a) Bản đồ thể hiện vị trí quy hoạch cảng hàng không, sân bay trong hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc được lập trên nền bản đồ tỷ lệ 1/1.000.000 hoặc lớn hơn;

b) Bản đồ bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, bản đồ tiếng ồn theo quy hoạch được lập trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000 hoặc lớn hơn;

c) Bản đồ quy hoạch còn lại được lập trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000 hoặc lớn hơn.

Điều 23. Lấy ý kiến về quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Đối tượng lấy ý kiến về quy hoạch gồm: các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. Tùy theo tính chất quy hoạch, cơ quan tổ chức lập quy hoạch quyết định lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch để hoàn thiện dự thảo quy hoạch.

2. Việc lấy ý kiến của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức có liên quan về quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch gồm báo cáo quy hoạch, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch;

b) Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch;

c) Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch xem xét trước khi trình thẩm định quy hoạch.

Điều 24. Thẩm quyền thẩm định quy hoạch cảng hàng không, sân bay

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định quy hoạch.

Điều 25. Hội đồng thẩm định quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Hội đồng thẩm định quy hoạch gồm Chủ tịch hội đồng và các thành viên hội đồng. Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải. Các thành viên Hội đồng thẩm định là đại diện của các bộ, ngành và một số địa phương liên

quan trong phạm vi quy hoạch, đại diện cơ quan lập quy hoạch và một số cơ quan trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, các chuyên gia về quy hoạch (nếu cần thiết) trong đó có 02 thành viên là ủy viên phản biện. Cơ cấu, thành phần cụ thể của Hội đồng thẩm định và tổ chức, cá nhân tham gia phản biện trong Hội đồng thẩm định do cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc Chủ tịch Hội đồng quyết định. Hội đồng thẩm định quy hoạch làm việc theo chế độ tập thể.

2. Chủ tịch Hội đồng thẩm định có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng thẩm định. Tổ chức, chủ trì điều hành các cuộc họp của Hội đồng thẩm định;

b) Phân công nhiệm vụ cho thành viên Hội đồng thẩm định;

c) Phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch;

d) Quyết định chọn tổ chức tư vấn thẩm tra, ủy viên phản biện.

3. Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

a) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng thẩm định;

b) Nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, tham gia ý kiến tại cuộc họp của Hội đồng thẩm định về lĩnh vực chuyên môn và các vấn đề chung;

c) Được quyền bảo lưu ý kiến của mình.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia phản biện có trách nhiệm, quyền hạn sau đây:

a) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng thẩm định;

b) Nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, có ý kiến phản biện bằng văn bản gửi Hội đồng thẩm định để tổng hợp;

c) Được nhận thù lao về việc phản biện quy hoạch theo quy định.

Điều 26. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

a) Tờ trình phê duyệt quy hoạch;

b) Báo cáo quy hoạch;

c) Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch;

d) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

e) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

2. Hội đồng thẩm định quy hoạch chỉ tổ chức thẩm định khi nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có quyền yêu cầu cơ quan lập quy hoạch cung cấp thêm thông tin, giải trình về các nội dung liên quan.

Điều 27. Lấy ý kiến trong quá trình thẩm định quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, nếu hồ sơ đã đáp ứng điều kiện để tổ chức thẩm định, Hội đồng thẩm định gửi hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, thành viên Hội đồng thẩm định gửi ý kiến bằng văn bản tới cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để tổng hợp.

3. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch quyết định lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan; quyết định lựa chọn tổ chức tư vấn thẩm tra độc lập để phản biện một hoặc một số nội dung của quy hoạch.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu phản biện quy hoạch, tư vấn phản biện phải gửi ý kiến bằng văn bản tới Hội đồng thẩm định để tổng hợp.

Điều 28. Họp thẩm định quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định phải tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định quy hoạch.

2. Hội đồng thẩm định tiến hành họp thẩm định quy hoạch khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự họp;

b) Có đại diện của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch và tổ chức tư vấn lập quy hoạch.

3. Hội đồng thẩm định quy hoạch làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận công khai, biểu quyết theo đa số để nghiệm thu quy hoạch và thông qua biên bản họp thẩm định quy hoạch.

4. Hồ sơ quy hoạch đủ điều kiện trình quyết định hoặc phê duyệt khi có ít nhất 3/4 số thành viên tham gia biểu quyết thông qua quy hoạch.

Điều 29. Xử lý đối với quy hoạch cảng hàng không, sân bay sau khi họp thẩm định

1. Trường hợp quy hoạch đủ điều kiện trình quyết định hoặc phê duyệt, không có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp thẩm định quy hoạch, Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định phê duyệt Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch gửi cơ quan lập quy hoạch để hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch.

2. Trường hợp quy hoạch đủ điều kiện phê duyệt nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung, trình tự xử lý như sau:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp thẩm định quy hoạch, Hội đồng thẩm định gửi văn bản kết luận cho cơ quan lập quy hoạch để nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, cơ quan lập quy hoạch chỉnh sửa, hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định và nộp lại Hội đồng thẩm định, kèm theo văn bản giải trình về việc tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định;

c) Hội đồng thẩm định quy hoạch tiếp nhận hồ sơ dự án quy hoạch đã chỉnh sửa, rà soát nội dung chỉnh sửa và gửi xin ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định (nếu cần thiết);

d) Trường hợp quy hoạch đã đủ điều kiện trình phê duyệt, Hội đồng thẩm định quy hoạch lập Báo cáo thẩm định quy hoạch trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch phê duyệt, gửi cơ quan lập quy hoạch để hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch;

đ) Trường hợp quy hoạch chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chỉnh sửa bổ sung của Hội đồng thẩm định quy hoạch, Hội đồng thẩm định có văn bản hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung gửi cơ quan lập quy hoạch trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ quy hoạch đã chỉnh sửa.

3. Trường hợp quy hoạch chưa đủ điều kiện trình phê duyệt, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc họp thẩm định quy hoạch, Hội đồng thẩm định gửi văn bản kết luận của Hội đồng thẩm định tới cơ quan lập quy hoạch để rà soát, điều chỉnh lại hồ sơ quy hoạch.

Điều 30. Trình, phê duyệt quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Hồ sơ trình phê duyệt dự án quy hoạch gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;

b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch đã được hoàn thiện;

c) Báo cáo kết quả thẩm định; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

d) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;

đ) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Quy hoạch được phê duyệt bằng quyết định phê duyệt quy hoạch.

3. Nội dung phê duyệt quy hoạch bao gồm các nội dung theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

Điều 31. Công bố quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Thời gian công bố quy hoạch thực hiện theo pháp luật về quy hoạch, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Bộ Giao thông vận tải, cơ quan lập quy hoạch tổ chức công bố quy hoạch thuộc thẩm quyền lập.

3. Công bố quy hoạch trên phương tiện thông tin đại chúng dưới một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức họp báo công bố nội dung quy hoạch, văn bản phê duyệt quy hoạch;

b) Thông báo trên đài phát thanh, truyền hình quốc gia hoặc đài phát thanh, truyền hình tỉnh về phê duyệt quy hoạch, danh mục dự án được ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch; đăng tải tóm tắt nội dung quy hoạch trên một hoặc một số báo ở trung ương và địa phương;

c) Trưng bày công khai sơ đồ, bản đồ, văn bản phê duyệt quy hoạch tại cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch;

d) Tổ chức hội nghị phổ biến nội dung quy hoạch được duyệt;

đ) Phát hành ấn phẩm (sách, video...) về nội dung quy hoạch;

e) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch.

Điều 32. Lưu trữ hồ sơ quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Hồ sơ quy hoạch được lưu trữ bao gồm:

a) Hồ sơ quy hoạch được duyệt;

b) Văn bản, quyết định phê duyệt quy hoạch;

c) Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Việc lưu trữ hồ sơ quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 33. Quản lý ranh giới, mốc giới cảng hàng không, sân bay

1. Ranh giới, mốc giới cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Ranh giới, mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

b) Ranh giới, mốc giới hiện hữu cảng hàng không, sân bay.

2. Ranh giới, mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay được xác định trong hồ sơ quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ quan lập quy hoạch phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp nơi có cảng hàng không, sân bay để xác định ranh giới, mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay trên bản đồ và ngoài thực địa.

3. Cảng vụ hàng không phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp nơi có cảng hàng không, sân bay để xác định ranh giới, mốc giới hiện hữu cảng hàng không, sân bay trên bản đồ và ngoài thực địa.

4. Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thị xã có trách nhiệm phối hợp với Cảng vụ hàng không công bố, bảo vệ ranh giới, mốc giới quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

5. Tổ chức, cá nhân được giao đất, thuê đất có trách nhiệm quản lý, bảo vệ ranh giới, mốc giới đất được giao, được thuê theo quy định.

6. Chi phí xác định, đánh dấu, cắm mốc và quản lý ranh giới, mốc giới cảng hàng không, sân bay được sử dụng từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 34. Tổ chức thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay

Việc tổ chức thực hiện quy hoạch được thực hiện theo phạm vi, nhiệm vụ được phân công trong quyết định phê duyệt quy hoạch của cấp có thẩm quyền.

Điều 35. Đánh giá, rà soát việc thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Việc đánh giá thực hiện quy hoạch được thực hiện theo kỳ quy hoạch, khi điều chỉnh quy hoạch hoặc theo yêu cầu của cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

2. Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch:

a) Kết quả thực hiện các mục tiêu của quy hoạch;

b) Các tác động có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong phạm vi địa bàn quy hoạch;

c) Đánh giá tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch theo các tiêu chí: Danh mục và kế hoạch, tiến độ đầu tư các dự án đầu tư (theo nguồn vốn) đã triển khai thực hiện; Danh mục các dự án đã đi vào hoạt động và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của dự án; Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch chưa triển khai thực hiện, lý do chưa triển khai, khó khăn, vướng mắc;

d) Đánh giá chính sách, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch.

3. Quy hoạch được rà soát theo định kỳ 05 năm hoặc trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch để điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức rà soát quy hoạch; kết quả rà soát quy hoạch phải được báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

Điều 36. Điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Có sự điều chỉnh của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp cao hơn hoặc quy hoạch cùng cấp làm thay đổi mục tiêu quy hoạch;

b) Có sự thay đổi về các yếu tố đầu vào trong nhiệm vụ quy hoạch ban đầu như nhu cầu vận tải, phát triển kinh tế - xã hội...;

c) Do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh làm thay đổi mục tiêu, định hướng, tổ chức không gian lãnh thổ của quy hoạch;

d) Do biến động bất thường của tình hình kinh tế - xã hội làm hạn chế nguồn lực thực hiện quy hoạch;

đ) Điều chỉnh quy hoạch, mang lại hiệu quả cao hơn so với phương án quy hoạch ban đầu hoặc trong quá trình nghiên cứu chi tiết phát hiện ra tính hợp lý, hiệu quả hoặc khi nghiên cứu dự án trong quá trình triển khai quy hoạch phát sinh các vấn đề, đề xuất mang lại hiệu quả cao hơn;

e) Do yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh; do sự phát triển của khoa học, công nghệ làm thay đổi cơ bản việc thực hiện quy hoạch.

2. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Các công trình có phạm vi, công suất dự kiến điều chỉnh thay đổi tăng, giảm nhỏ hơn 25% tổng diện tích nhu cầu sử dụng đất, công suất của quy hoạch;

b) Các công trình có phạm vi sử dụng đất điều chỉnh thay đổi tăng, giảm nhỏ hơn 15% tổng diện tích nhu cầu sử dụng đất;

c) Điều chỉnh cục bộ các nội dung của quy hoạch nhưng không ảnh hưởng đến mục tiêu, quan điểm, phương hướng phát triển, giải pháp thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt và bảo đảm tính đồng bộ của các quy hoạch trong khu vực;

d) Nội dung dự kiến điều chỉnh không làm thay đổi tính chất, chức năng, quy mô, ranh giới quy hoạch và ranh giới quy hoạch đất dân dụng, quân sự, khu vực dùng chung theo quy hoạch được duyệt nhằm nâng cao hiệu quả khai thác;

đ) Khi có nhu cầu sử dụng các khu đất dự trữ đã có trong quy hoạch;

e) Khi có nhu cầu lắp đặt bổ sung các trang thiết bị tại khu bay;

g) Điều chỉnh giai đoạn thực hiện quy hoạch của từng hạng mục công trình cụ thể có trong quy hoạch được duyệt.

Điều 37. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch quy định tại Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch cục bộ được thực hiện như sau:

a) Bộ Giao thông vận tải giao cơ quan lập quy hoạch thực hiện lập, trình báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

b) Bộ Giao thông vận tải rà soát, lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan;

c) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

3. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

Điều 38. Chi phí cho hoạt động quy hoạch và tiếp nhận tài trợ bằng sản phẩm là hồ sơ quy hoạch, hồ sơ điều chỉnh quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được tài trợ bằng sản phẩm là hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp sản phẩm được tài trợ bằng vốn viện trợ không hoàn lại từ tổ chức, cá nhân nước ngoài thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn viện trợ nước ngoài.

3. Việc nhận tài trợ bằng sản phẩm là hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch trên nguyên tắc:

a) Nội dung nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, nội dung quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và quy trình trình, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và hồ sơ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch thực hiện theo quy định tại Nghị định này;

b) Việc tài trợ là tự nguyện, không điều kiện, không vì lợi ích nhà tài trợ làm ảnh hưởng tới lợi ích chung của cộng đồng, của xã hội cũng như tính minh bạch trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch;

c) Nhà tài trợ quyết định chi phí thực hiện, hình thức lựa chọn tổ chức tư vấn tham gia lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn tổ chức tư vấn.

4. Cục Hàng không Việt Nam tiếp nhận đề xuất của nhà tài trợ và trình Bộ Giao thông vận tải xem xét tiếp nhận việc tài trợ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam thông báo cho nhà tài trợ; hướng dẫn, phối hợp với nhà tài trợ xây dựng, hoàn thiện sản phẩm tài trợ.

Chương III
MỞ, ĐÓNG CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY, TRỪ SÂN BAY CHUYÊN DÙNG

Điều 39. Mở cảng hàng không, sân bay

1. Điều kiện cho phép mở cảng hàng không, sân bay:

a) Cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định;

b) Cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn vùng trời, đường bay và phương thức bay phục vụ khai thác sân bay.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị mở cảng hàng không, sân bay trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị, bao gồm các nội dung: Tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, quy mô, loại hình cảng hàng không, sân bay; cấp sân bay;

b) Văn bản giải trình, chứng minh về việc đủ điều kiện mở cảng hàng không, sân bay quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị mở cảng hàng không, sân bay, Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mở cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận mở cảng hàng không, sân bay, Bộ Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

Điều 40. Chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế

1. Điều kiện cho phép chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế:

a) Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc;

b) Cảng hàng không, sân bay đã được cấp sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đảm bảo phục vụ các chuyến bay quốc tế;

c) Cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn vùng trời, đường bay và phương thức bay phục vụ khai thác các chuyến bay quốc tế.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị, bao gồm các nội dung: Tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, quy mô, loại hình cảng hàng không, sân bay; cấp sân bay; thời gian đề nghị chuyển thành cảng hàng không quốc tế;

b) Văn bản giải trình, chứng minh về việc đủ điều kiện chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, các bộ ngành có văn bản trả lời, trường hợp không thống nhất phải nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của các bộ ngành, Bộ Giao thông vận tải quyết định công bố chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

Điều 41. Đóng cảng hàng không, sân bay

1. Việc đóng cảng hàng không, sân bay bao gồm các loại hình sau:

a) Chấm dứt hoạt động của cảng hàng không, sân bay;

b) Chấm dứt hoạt động phục vụ cho vận chuyển hàng không quốc tế đối với cảng hàng không quốc tế.

2. Bộ Giao thông vận tải đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định đóng cảng hàng không, sân bay trong các trường hợp sau:

a) Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Vì lý do đặc biệt ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội.

3. Hồ sơ đề nghị đóng cảng hàng không, sân bay bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị đóng cảng hàng không, sân bay, bao gồm các thông tin: Tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, quy mô, loại hình cảng hàng không, sân bay; cấp sân bay; lý do, thời điểm đóng cảng hàng không, sân bay;

b) Phương án tổng thể khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan đến việc đóng cảng hàng không, sân bay;

c) Các tài liệu liên quan đến đề nghị đóng cảng hàng không, sân bay.

4. Bộ Giao thông vận tải tổ chức công bố việc đóng cảng hàng không, sân bay; phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan.

Điều 42. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay

1. Toàn bộ hoặc một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bị đóng tạm thời trong các trường hợp sau:

a) Việc cải tạo, mở rộng, sửa chữa cần ngừng hoạt động của cảng hàng không, sân bay;

b) Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi;

c) Thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không.

2. Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Giám đốc Cảng vụ hàng không quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong thời gian không quá 24 giờ theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

4. Cục Hàng không Việt Nam (đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) và Cảng vụ hàng không (đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này) có trách nhiệm công bố đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trên hệ thống thông báo tin tức hàng không theo quy định, thông báo cho chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị liên quan; chỉ đạo tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan.

5. Cơ quan quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay quyết định cho phép cảng hàng không, sân bay hoạt động trở lại sau khi các lý do đóng tạm thời bị loại bỏ.

Điều 43. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng cửa tạm thời cảng hàng không, sân bay;

b) Quyết định phê duyệt dự án cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng của cơ quan có thẩm quyền;

c) Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay:

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

Điều 44. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay khi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi

1. Cục Hàng không Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Tờ trình xin phép đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

b) Quyết định thu hồi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay;

c) Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đã cấp.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

Điều 45. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo ngay Cảng vụ hàng không đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không trong thời gian không quá 24 giờ. Giám đốc Cảng vụ hàng không có trách nhiệm xem xét, ra quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong thời gian không quá 24 giờ và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam.

2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không với thời gian đóng quá 24 giờ quy định như sau:

a) Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo ngay Cục Hàng không Việt Nam về việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Báo cáo bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

b) Ngay khi nhận được báo cáo của Người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

c) Trong thời gian 24 giờ khi nhận được tờ trình của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

Chương IV
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 46. Yêu cầu đối với việc đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay mới hoặc đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trong cảng hàng không, sân bay hiện có

1. Việc đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay mới hoặc đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trong cảng hàng không, sân bay hiện có phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định áp dụng; phù hợp với tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế;

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, đầu tư, xây dựng và bảo vệ môi trường.

2. Các dự án trong quá trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng, cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất của Bộ Giao thông vận tải về sự phù hợp của dự án đầu tư xây dựng công trình với quy hoạch cảng hàng không, sân bay được duyệt, sự phù hợp về dây chuyền công nghệ hàng không liên quan đến quy trình khai thác, quy định an ninh, an toàn khai thác; trừ các dự án đầu tư xây dựng do cơ quan chuyên môn của Bộ Giao thông vận tải thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định của pháp luật.

3. Đối với dự án xây dựng nhà ga hành khách, ga hàng hóa, trong quá trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay gồm: hải quan, công an, y tế và cảng vụ hàng không.

4. Chủ đầu tư được xây dựng công trình sau khi được giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Lập, điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay hiện có

1. Trong vòng 180 ngày kể từ ngày quy hoạch cảng hàng không, sân bay được phê duyệt, doanh nghiệp cảng hàng không chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không và phi hàng không lập kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay, lấy ý

kiến Bộ Công an trong trường hợp kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không có các công trình thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam xem xét, thống nhất để trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay;

b) Thuyết minh đánh giá nhu cầu, sự cần thiết đầu tư và kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng đối với từng hạng mục công trình;

c) Bảng giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị.

2. Phạm vi công trình và giai đoạn của kế hoạch

a) Phạm vi công trình: Kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay được lập cho danh mục công trình kết cấu hạ tầng cảng hàng không và công trình cung cấp dịch vụ phi hàng không;

b) Giai đoạn của kế hoạch: Kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay được lập cho giai đoạn 05 năm hoặc theo giai đoạn được xác định trong kế hoạch đầu tư công được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, tuy nhiên không vượt quá giai đoạn quy hoạch cảng hàng không.

3. Nội dung kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng đối với từng hạng mục công trình tại cảng hàng không, sân bay gồm:

a) Tên công trình;

b) Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư;

c) Diện tích sử dụng đất;

d) Sơ bộ tổng mức đầu tư;

đ) Dự kiến nguồn vốn đầu tư;

e) Thời gian thực hiện;

g) Hình thức đầu tư.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời người đề nghị và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay. Trường hợp không phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

6. Khi thay đổi về chủ trương, chính sách về đầu tư, phát triển cảng hàng không, sân bay hoặc doanh nghiệp cảng hàng không có nhu cầu, doanh nghiệp cảng hàng không rà soát, trình Cục Hàng không Việt Nam xem xét, thống nhất để trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay. Hồ sơ đề nghị và trình tự thủ tục phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 48. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay hiện có

Căn cứ quy hoạch cảng hàng không, sân bay và kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay do Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, việc đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay được thực hiện như sau:

1. Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong việc quản lý, vận hành, duy trì điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cảng hàng không có trách nhiệm đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng các công trình thiết yếu, trừ các trường hợp do Nhà nước trực tiếp đầu tư và các công trình quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp doanh nghiệp cảng hàng không không có khả năng đầu tư theo kế hoạch phát triển cảng hàng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải đề xuất, kêu gọi hình thức đầu tư phù hợp theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay đầu tư, nâng cấp, mở rộng các công trình, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay được giao quản lý, khai thác.

3. Các công trình trụ sở cơ quan quản lý nhà nước do cơ quan quản lý nhà nước đầu tư, nâng cấp, mở rộng.

4. Trừ các công trình quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, đối với các công trình khác tại cảng hàng không, sân bay, Bộ Giao thông vận tải tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

5. Đối với cảng hàng không đã được đầu tư theo phương thức PPP thì việc đầu tư các hạng mục công trình không thuộc phạm vi hợp đồng dự án PPP nhằm phát triển, mở rộng cảng hàng không được thực hiện theo phương thức PPP hoặc phương thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

6. Đối với các công trình hiện hữu còn thời hạn giao đất, thuê đất, người khai thác công trình được đầu tư, cải tạo, mở rộng công trình nhưng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất trong phạm vi ranh giới sử dụng đất công trình hiện hữu, phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay được duyệt.

Điều 49. Bản vẽ tổng mặt bằng

1. Bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 là một trong các cơ sở để cấp giấy phép xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay.

2. Bản vẽ tổng mặt bằng bao gồm các nội dung chi tiết sau:

a) Hệ thống các công trình xây dựng, kỹ thuật: Diện tích xây dựng; mật độ, số lượng, cao độ và độ cao công trình xây dựng; hệ số sử dụng đất;

b) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với hạ tầng kỹ thuật chung của cảng hàng không: Hướng tuyến, quy mô, cấp đường; cao độ khống chế các đầu mối; các mặt cắt ngang điển hình.

3. Chủ đầu tư được xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đảm bảo phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay, phù hợp với việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật chung của cảng hàng không, sân bay.

4. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay tổ chức lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án được cấp có thẩm quyền giao đầu tư và đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng;

b) Hồ sơ bản vẽ tổng mặt bằng, bao gồm: thuyết minh bản vẽ tổng mặt bằng và các bản vẽ có liên quan;

c) Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;

d) Văn bản giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;

đ) Số lượng bộ hồ sơ: 10 bộ.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, thẩm định và phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư. Trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam nêu rõ lý do.

5. Việc cấp giấy phép xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 50. Đảm bảo an toàn khai thác trong quá trình xây dựng và lắp đặt thiết bị đối với công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo; phá dỡ công trình; bảo hành, bảo trì công trình xây dựng, đưa công trình vào khai thác tại cảng hàng không, sân bay

1. Việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình, lắp đặt thiết bị tại cảng hàng không, sân bay phải phù hợp với mục đích sử dụng, quy hoạch cảng hàng không, sân bay được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Người khai thác công trình, thiết bị tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình áp dụng và theo quy định của pháp luật về bảo trì.

3. Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay có làm thay đổi phương án khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa hoặc làm thay đổi phương án khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay.

4. Cảng vụ hàng không chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay trong thời gian giãn cách giữa các chuyến bay hoặc phương án thi công không làm thay đổi phương án khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, phương án khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay.

5. Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc Cảng vụ hàng không theo quy định của khoản 4 Điều này, hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận;

b) Phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công kèm phương án điều chỉnh khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, phương án điều chỉnh khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay (nếu có);

c) Thỏa thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay với cơ quan, đơn vị liên quan;

d) Giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc đối tượng phải cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

6. Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam (đối với quy định tại khoản 3 Điều này) hoặc Cảng vụ hàng không (đối với quy định tại khoản 4 Điều này) có trách nhiệm thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị, nêu rõ lý do.

7. Trường hợp đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay bị hư hỏng đột xuất uy hiếp trực tiếp đến an toàn, an ninh hàng không cần thực hiện ngay, người khai thác kết cấu hạ tầng sân bay, người khai thác thiết bị bảo đảm hoạt động bay triển khai ngay việc sửa chữa, khắc phục hư hỏng; thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không để thông báo tin tức hàng không theo quy định; báo cáo Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không về tình trạng hư hỏng, kết quả khắc phục.

8. Đối với việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị dùng chung dân dụng và quân sự, đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay, chủ đầu tư dự án phải phân tích, đánh giá các tác động đến hoạt động của quân sự và giải pháp hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động của quân sự trong hồ sơ đưa công trình vào khai thác hoặc hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay.

9. Trường hợp khai thác sân bay trong điều kiện tầm nhìn hạn chế theo quy định, không được phép thi công xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị gần hệ thống điện sân bay. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại sân bay có trách nhiệm thông báo việc khai thác sân bay trong điều kiện tầm nhìn hạn chế cho người khai thác cảng hàng không, sân bay và người phụ trách thi công công trình để dừng việc thi công việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay.

10. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm, kiểm tra đảm bảo việc tuân thủ phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát hiện kế hoạch, phương án thi công, phương án khai thác không đảm bảo an toàn cho hoạt động tại cảng hàng không, sân bay và hoạt động bay, Cảng vụ hàng không yêu cầu chủ đầu tư, người khai thác công trình, người khai thác thiết bị bảo đảm hoạt động bay tạm dừng việc thi công và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Cảng vụ hàng không quyết định việc tiếp tục thi công sau khi người khai thác công trình, người khai thác thiết bị bảo đảm hoạt động bay hoàn thành việc khắc phục các yêu cầu của Cảng vụ hàng không.

11. Việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay ảnh hưởng đến hoạt động bay phải được thông báo theo quy định về thông báo tin tức hàng không.

12. Trường hợp thay đổi thời gian xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay có ảnh hưởng đến hoạt động bay mà đã được thông báo theo quy định về thông báo tin tức hàng không, chủ đầu tư xây dựng công trình hoặc người khai thác công trình, hoặc người khai thác thiết bị bảo đảm hoạt động bay phải thống nhất với Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay và giải trình rõ lý do thay đổi thời gian thi công đã được thông báo tin tức hàng không theo quy định trước khi thực hiện quy trình thông báo sự thay đổi về thời gian thi công theo quy định.

Điều 51. Đưa vào khai thác, đóng tạm thời công trình, một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

1. Các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay phải thực hiện thủ tục đưa vào khai thác, đóng tạm thời công trình hoặc một phần công trình bao gồm:

a) Đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay;

b) Công trình nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, kho hàng hóa, khu logistics hàng không, khu tập kết hàng hóa;

c) Công trình cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; dịch vụ kỹ thuật hàng không; dịch vụ suất ăn hàng không; dịch vụ xăng dầu hàng không.

2. Công trình cảng hàng không, sân bay được đưa vào khai thác phải bảo đảm đủ điều kiện và tiêu chuẩn khai thác theo quy định.

3. Công trình cảng hàng không, sân bay ngừng khai thác phải bảo đảm duy trì hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay, trừ trường hợp phải đóng, đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay theo quy định.

4. Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị đưa công trình, một phần công trình vào khai thác bao gồm các thông tin: vị trí và phạm vi đưa vào sử dụng; thời gian đưa vào sử dụng phù hợp với quy định thông báo tin tức hàng không; các thông số kỹ thuật chính của hạng mục công trình; tuổi thọ công trình;

b) Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng và văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Tài liệu khai thác công trình.

5. Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 1 Điều này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Tờ trình xin phép đóng cửa tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: lý do đóng tạm thời; vị trí và phạm vi

đóng tạm thời; thời gian đóng tạm thời phù hợp với quy định thông báo tin tức hàng không;

b) Bản sao sơ đồ bản vẽ chi tiết khu vực đóng tạm thời;

c) Phương án bảo đảm duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời;

d) Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.

6. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác, đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

7. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn việc lập tài liệu khai thác công trình.

8. Cảng vụ hàng không thực hiện việc kiểm tra đảm bảo việc tuân thủ phương án bảo đảm duy trì hoạt động, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.

9. Khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ, người khai thác công trình phải tiến hành cập nhật vào các trang tu chỉnh của tài liệu khai thác công trình. Định kỳ một lần trong năm, người khai thác công trình rà soát và trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt lại tài liệu khai thác công trình khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác công trình. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt;

b) Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;

c) Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác công trình, phê duyệt

sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

11. Việc cấp phép đưa vào khai thác, đóng tạm thời công trình cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.

Chương V
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC; CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 52. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

1. Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;

c) Bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay;

d) Bản sao tài liệu xác nhận kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã hoàn thành các thủ tục nghiệm thu theo quy định về đầu tư xây dựng trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay.

2. Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay đang xây dựng, chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm các tài liệu nêu tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, bao gồm các nội dung sau:

a) Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt;

b) Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và năng lực khai thác;

c) Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng và năng lực khai thác.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

5. Chậm nhất 60 ngày sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định của Nghị định này.

6. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị mất, hỏng được đề nghị cấp lại. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến Cục Hàng không Việt Nam.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét quyết định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

7. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị thu hồi trong trường hợp không còn đáp ứng điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

Điều 53. Sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

1. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay phải cập nhật thông tin về những thay đổi của cảng hàng không, sân bay và đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay khi có sự thay đổi về:

a) Tên, địa chỉ của chủ sở hữu hoặc Người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Tên cảng hàng không, sân bay;

c) Vị trí, tọa độ điểm quy chiếu cảng hàng không, sân bay;

d) Cấp sân bay;

đ) Mục đích khai thác;

e) Năng lực khai thác tương ứng với loại tàu bay lớn nhất được phép khai thác tại cảng hàng không, sân bay.

2. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định việc sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không,

sân bay; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đã cấp hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối sửa đổi.

Điều 54. Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Cảng hàng không, sân bay phải có tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Tài liệu khai thác sân bay;

b) Tài liệu khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay hoặc tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

Điều 55. Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, thu hồi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Tổ chức được giao quản lý, khai thác hoặc cho thuê quyền khai thác hoặc được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác các công trình thuộc kết cấu hạ tầng sân bay theo quy định của pháp luật (trừ các công trình do doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay quản lý, khai thác) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu khai thác sân bay.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay và thông báo kết quả thẩm định tài liệu khai thác sân bay. Nội dung thẩm định tài liệu khai thác sân bay bao gồm các nội dung sau:

a) Các yếu tố bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, tiêu chuẩn dịch vụ;

b) Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của sân bay theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế;

c) Danh mục không đáp ứng (nếu có).

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu khai thác sân bay đã hoàn thiện theo văn bản thông báo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác. Trường hợp có sự khác biệt giữa số liệu, nội dung trong tài liệu khai thác sân bay với kết quả kiểm tra thực tế, Cục Hàng không Việt Nam thông báo cho người đề nghị biết và giải trình, bổ sung, hoàn thiện lại tài liệu khai thác sân bay theo kết quả kiểm tra thực tế.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

5. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay được sửa đổi trong các trường hợp thay đổi một trong các nội dung được ghi trong giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

6. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

7. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị

cấp lại giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

8. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 56. Quy định về tài liệu khai thác sân bay

1. Khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, trang thiết bị trong sân bay, phương án vận hành khai thác tàu bay, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ trong sân bay, Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải tiến hành cập nhật vào các trang tu chỉnh của tài liệu khai thác sân bay.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay rà soát định kỳ mỗi năm một lần tài liệu khai thác sân bay hoặc khi được Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu, khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay làm ảnh hưởng đến phương thức, quy trình khai thác, Người khai thác cảng hàng không, sân bay trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt lại tài liệu khai thác sân bay. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt;

b) Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;

c) Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay. Trường hợp tài liệu khai thác sân bay không đủ điều kiện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo kết quả thẩm định và đề nghị Người khai thác cảng hàng không, sân bay bổ sung, hoàn thiện lại tài liệu khai thác sân bay. Trường hợp tài liệu khai thác

sân bay đủ điều kiện, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay theo các nội dung sửa đổi, bổ sung của tài liệu khai thác (nếu cần thiết); phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

Điều 57. Thủ tục cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao tài liệu chứng minh về tổ chức bộ máy và nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

d) Bản chính văn bản xác nhận vốn;

đ) Phương án về trang bị, thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

3. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không được cấp lại trong trường hợp mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung trong giấy phép.

4. Tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có).

5. Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

6. Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho người đề nghị.

7. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không bị hủy bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép;

b) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về an ninh, quốc phòng;

c) Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của doanh nghiệp;

d) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, điều kiện kinh doanh, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường;

đ) Không bắt đầu khai thác cảng hàng không trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép.

8. Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép, nêu rõ lý do, thời điểm hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép. Doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không phải chấm dứt ngay việc kinh doanh cảng hàng không theo quyết định đã được ban hành.

9. Bộ Giao thông vận tải thông báo về việc cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không cho Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

Chương VI
QUẢN LÝ, KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 58. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

1. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay, Người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không và các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ khác tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bảo đảm an toàn, an ninh và hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay; phối hợp phục vụ, duy trì cung cấp dịch vụ cho chuyến bay hoạt động theo đúng tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, bảo vệ môi trường.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không có trách nhiệm duy trì đủ điều kiện khai thác công trình, phương tiện, thiết bị cảng hàng không, sân bay, cung cấp dịch vụ hàng không theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; trường hợp xảy ra sự cố, vụ việc hoặc phát hiện hỏng hóc uy hiếp trực tiếp đến khai thác, an toàn, an ninh hàng không, bảo vệ môi trường, phải báo cáo ngay cho Cảng vụ hàng không và triển khai các biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

3. Doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay nộp phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay cho Cảng vụ hàng không theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay nộp giá nhượng quyền cho doanh nghiệp cảng hàng không theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, trừ dịch vụ bảo đảm hoạt động bay hoặc dịch vụ vận chuyển hàng không.

5. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về việc

thực hiện quy hoạch, xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị tại cảng hàng không, sân bay, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, bảo vệ môi trường cho Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không khi có yêu cầu.

6. Người khai thác tàu bay phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không, Người khai thác cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay.

7. Người khai thác tàu bay phải nộp bản cân bằng trọng tải, danh sách tổ bay, danh sách hành khách, bản kê khai hàng hóa của mỗi chuyến bay cho Cảng vụ hàng không trong vòng 05 giờ sau khi tàu bay cất cánh hoặc hạ cánh hoặc khi có yêu cầu đột xuất của Cảng vụ hàng không. Tài liệu được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm lưu giữ tài liệu chuyến bay trong thời hạn 02 năm kể từ ngày nhận. Người khai thác tàu bay có thể bị đình chỉ thực hiện các chuyến bay tiếp theo trong trường hợp vi phạm quy định về nộp tài liệu chuyến bay.

8. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Người khai thác cảng hàng không, sân bay để khai thác sân bay khi có yêu cầu từ Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

9. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, trừ sân bay chuyên dùng.

Điều 59. Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

1. Tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay đối với trường hợp cấp lần đầu trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản khai cá nhân của người đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này có dán ảnh màu kích thước 3 cm x 4 cm được đóng dấu giáp lai của đơn vị đề nghị và 01 ảnh màu kích thước 3 cm x 4 cm chụp không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ;

c) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện);

d) Chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

2. Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch, quyết định cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho tổ chức đề nghị.

3. Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được đề nghị cấp lại trong các trường hợp sau:

a) Giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày hoặc giấy phép hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép;

b) Giấy phép bị mất, hỏng;

c) Có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không.

4. Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày hoặc giấy phép hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép

a) Hồ sơ bao gồm: các tài liệu quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này và Tài liệu chứng minh nhân viên được đào tạo định kỳ hoặc đào tạo phục hồi theo quy định;

b) Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch, quyết định cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực

hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho tổ chức đề nghị.

5. Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép bị mất, hỏng

a) Hồ sơ bao gồm: tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay cho tổ chức đề nghị.

6. Đối với trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không

a) Hồ sơ bao gồm: tài liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và Bản sao Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động của tổ chức sử dụng lao động trước đó, bản sao Hợp đồng lao động của tổ chức tiếp nhận và bản sao Giấy phép được Cục Hàng không Việt Nam cấp còn hiệu lực đối với trường hợp có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho tổ chức đề nghị.

7. Tổ chức đề nghị cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp bổ sung năng định kèm danh sách nhân viên được đề nghị theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện);

c) Chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp bổ sung năng định hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho tổ chức đề nghị.

8. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép cho nhân viên hàng không có trách nhiệm nộp phí theo quy định của Bộ Tài chính trước khi Cục Hàng không Việt Nam cấp bổ sung năng định hoặc tổ chức sát hạch, cấp, cấp lại Giấy phép.

9. Nhân viên có Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được phép hoạt động tại tất cả các cảng hàng không, sân bay do tổ chức sử dụng nhân viên cung cấp dịch vụ.

10. Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có hiệu lực 07 năm.

11. Cục Hàng không Việt Nam thu hồi giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay trong trường hợp sau:

a) Giấy phép bị tẩy xóa, được sử dụng không đúng mục đích;

b) Nhân viên có hành vi vi phạm uy hiếp trực tiếp an toàn, an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, có hành vi che dấu vi phạm quy định về an toàn, an ninh, hàng không;

c) Nhân viên bị phát hiện sử dụng chất gây nghiện; bị kết án trong các vụ án hình sự; gây mất trật tự, an toàn xã hội trong khu vực cảng hàng không, sân bay.

12. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về nội dung, mẫu giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

Điều 60. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam

1. Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam

gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không, trong đó mô tả sản phẩm và các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

b) Bản sao tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng;

c) Bản sao các tài liệu liên quan: thiết kế kỹ thuật và chi tiết; vật liệu; phương pháp và quy trình sản xuất; hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng; lắp ráp của sản phẩm; chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

d) Bản sao biên bản nghiệm thu bàn giao hoặc nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng;

đ) Bản sao biên bản kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng do cơ sở kiểm tra, thử nghiệm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện;

e) Báo cáo kết quả khai thác thử theo các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật của sản phẩm.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các công việc kiểm tra, thử nghiệm cần thiết, quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận cho người đề nghị. Công việc kiểm tra, thử nghiệm bao gồm các công việc sau:

a) Xác định tính hiệu lực và phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, môi trường được nhà sản xuất áp dụng để chế tạo sản phẩm;

b) Kiểm tra thực tế sản phẩm; kiểm tra kết quả nghiệm thu;

c) Thẩm định các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật cần thiết chứng minh việc đáp ứng hoặc phù hợp của sản phẩm, với các yêu cầu, tiêu chuẩn,

quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; bao gồm cả thông tin về vật liệu và quy trình, phương pháp chế tạo, lắp ráp sản phẩm;

d) Kiểm tra kết quả kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng; trong trường hợp cần thiết, thực hiện hoặc yêu cầu người đề nghị cấp giấy chứng nhận thuê tổ chức độc lập đủ khả năng thực hiện các kiểm tra, thử nghiệm cần thiết để kiểm chứng việc tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;

đ) Kiểm tra kết quả khai thác thử.

3. Giấy chứng nhận, đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không có giá trị đối với các thiết bị, phương tiện được sản xuất, lắp ráp, cải tiến theo thiết kế và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

Điều 61. Cấp, thu hồi biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

1. Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay, trừ trường hợp phương tiện có tham gia giao thông thường xuyên ngoài khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp biển kiểm soát, trong đó nêu rõ nhu cầu sử dụng phương tiện; năm sản xuất, số seri của phương tiện; phương tiện đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng;

b) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát cho phương tiện hoặc có văn bản thông báo lý do từ chối cấp biển kiểm soát cho phương tiện.

3. Biển số bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Hết niên hạn sử dụng đối với các xe có niên hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất;

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không không còn nhu cầu sử dụng phương tiện để hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.

4. Khi hết niên hạn sử dụng đối với các xe có niên hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất, Cảng vụ hàng không ra thông báo thu hồi biển số cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không có trách nhiệm hoàn trả biển số bị thu hồi cho Cảng vụ hàng không.

5. Khi không còn nhu cầu sử dụng phương tiện để hoạt động tại cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không có văn bản gửi Cảng vụ hàng không đề nghị thu hồi biển số. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm ra văn bản thông báo thu hồi biển số. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không có trách nhiệm hoàn trả biển số bị thu hồi cho Cảng vụ hàng không.

Điều 62. Phối hợp hoạt động quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay

1. Cục Hàng không Việt Nam chủ trì tổ chức hội nghị phối hợp các cơ quan quản lý nhà nước khi cần thiết để thống nhất công tác phối hợp và giải quyết các vấn đề phát sinh đối với hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.

2. Cảng vụ hàng không phối hợp với Người khai thác cảng hàng không, sân bay, người khai thác công trình cung cấp, cập nhật sơ đồ cảng hàng không, sân bay cho cơ quan quản lý nhà nước liên quan tại cảng hàng không, sân bay; chủ trì cuộc họp liên tịch hàng quý hoặc khi cần thiết để giải quyết các vấn đề phát sinh đối với hoạt động của cảng hàng không, sân bay.

Điều 63. Quy định an toàn hoạt động tại sân bay

1. Các hoạt động của tàu bay, phương tiện, thiết bị, người, đồ vật tại sân bay phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn hàng không, bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay.

2. Phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay phải được kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường của phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 64. Điều phối giờ hạ, cất cánh tại cảng hàng không, sân bay và sử dụng sân đỗ tàu bay

1. Cục Hàng không Việt Nam quyết định, công bố tham số điều phối của cảng hàng không, sân bay trên cơ sở các yếu tố sau:

a) Năng lực khai thác của nhà ga;

b) Năng lực khai thác sân đỗ tàu bay;

c) Năng lực khai thác của đường cất hạ cánh và dịch vụ điều hành bay.

2. Người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm xây dựng chỉ số giới hạn quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động bay có trách nhiệm xây dựng chỉ số giới hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam định kỳ 2 lần/năm, khi có thay đổi hoặc theo yêu cầu.

3. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức điều phối giờ hạ, cất cánh của tàu bay trên cơ sở tham số điều phối được công bố quy định tại khoản 1 Điều này và quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tại khoản 4 Điều này.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quy trình, tiêu chí, thứ tự ưu tiên điều phối giờ hạ, cất cánh; chế độ báo cáo; ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu; cơ chế quản lý, giám sát và chế tài xử lý vi phạm liên quan đến giờ hạ, cất cánh tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam.

Điều 65. Xác định khu vực quản lý tại sân bay dùng chung dân dụng và quân sự

1. Sân bay dùng chung dân dụng và quân sự là sân bay phục vụ cho cả hoạt động dân dụng và quân sự.

2. Sân bay dùng chung dân dụng và quân sự bao gồm các khu vực sau đây:

a) Khu vực sử dụng riêng cho hoạt động quân sự;

b) Khu vực sử dụng riêng cho hoạt động dân dụng;

c) Khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự.

Điều 66. Quản lý sân bay dùng chung dân dụng và quân sự

1. Trách nhiệm quản lý sân bay dùng chung dân dụng và quân sự:

a) Bộ Quốc phòng có trách nhiệm quản lý khu vực sử dụng riêng cho hoạt động quân sự;

b) Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý khu vực sử dụng riêng cho hoạt động dân dụng;

c) Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng xác định trách nhiệm quản lý khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự.

2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng xác định ranh giới khu vực sử dụng riêng cho hoạt động dân dụng, khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự do dân dụng quản lý.

3. Việc quản lý, khai thác sân bay dùng chung dân dụng và quân sự phải được hiệp đồng bằng văn bản. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, đơn vị quân đội trong khu vực cảng hàng không, sân bay xây dựng văn bản hiệp đồng, bao gồm các nội dung sau:

a) Phân định khu vực, kết cấu hạ tầng do từng bên quản lý, khai thác; trách nhiệm quản lý, khai thác, kiểm tra điều kiện khai thác khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự; mức độ ưu tiên sử dụng khu vực, kết cấu hạ tầng trong các tình huống đột xuất, đặc biệt;

b) Phối hợp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, bảo đảm an toàn trong khu bay; trách nhiệm của các bên trong trường hợp khẩn cấp có hoạt động của tàu bay quân sự;

c) Điều kiện thiết bị và nhân lực tối thiểu để đáp ứng các yêu cầu về điều hành tàu bay dân dụng, quân sự; phối hợp quản lý, khai thác chung mặt bằng, thiết bị,

dịch vụ dành riêng cho hoạt động dân dụng hoặc quân sự trong trường hợp cần thiết; vị trí, thành phần làm nhiệm vụ tại đài kiểm soát không lưu chung khi có hoạt động bay hỗn hợp;

d) Trách nhiệm thông báo kế hoạch bay dân dụng, quân sự cho các đơn vị có liên quan; phối hợp trao đổi thông tin, thống nhất biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn hàng không;

đ) Các yêu cầu đặc thù của từng bên trong điều kiện bay đêm, tầm nhìn hạn chế đối với tàu bay quân sự;

e) Phối hợp xử lý các trường hợp xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, khai thác kết cấu hạ tầng và thiết bị thuộc khu vực dành riêng cho hoạt động quân sự, dân dụng có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của nhau.

Chương VII
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY, TRỪ SÂN BAY CHUYÊN DÙNG

Điều 67. Các dịch vụ hàng không cung cấp tại cảng hàng không, sân bay

1. Dịch vụ khai thác nhà ga hành khách là hoạt động tổ chức vận hành nhà ga hành khách bao gồm cả khu tập kết hàng hóa để phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, các hãng hàng không và các tổ chức, cá nhân khác sử dụng nhà ga hành khách trong dây chuyền vận chuyển hàng không.

2. Dịch vụ khai thác khu bay là hoạt động tổ chức vận hành kết cấu hạ tầng sân bay để phục vụ hoạt động khai thác tàu bay.

3. Dịch vụ khai thác nhà ga hàng hóa, kho hàng hóa là hoạt động khai thác nhà ga hàng hóa và khai thác kho hàng hóa, trong đó:

a) Khai thác nhà ga hàng hóa hàng không là hoạt động tiếp nhận, lưu giữ, xử lý, tổ chức thực hiện các thủ tục kiểm tra an ninh hàng không, kiểm tra giám sát hải quan và đưa lên tàu bay theo quy định đối với hàng hóa, bưu gửi vận chuyển bằng đường hàng không, nhà ga hàng hóa phải có vị trí tiếp giáp khu bay, kết nối trực tiếp với sân đỗ tàu bay;

b) Khai thác kho hàng hóa hàng không là hoạt động tiếp nhận, lưu giữ, xử lý, tổ chức thực hiện các thủ tục kiểm tra an ninh hàng không, kiểm tra giám sát hải quan theo quy định đối với hàng hóa, bưu gửi vận chuyển bằng đường hàng không, kho hàng hóa hàng không có vị trí nằm trong cảng hàng không, sân bay không tiếp giáp khu bay, không kết nối trực tiếp với sân đỗ tàu bay.

4. Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không là hoạt động sản xuất hoặc cung ứng và vận chuyển đồ ăn, đồ uống, các dụng cụ sử dụng kèm suất ăn trên tàu bay, vật phẩm suất ăn lên tàu bay để phục vụ hành khách; lưu trữ đồ ăn, đồ uống, vật phẩm suất ăn tại cảng hàng không, sân bay.

5. Dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không là hoạt động lưu trữ, vận chuyển, tra nạp và hút nhiên liệu cho tàu bay tại cảng hàng không, sân bay.

6. Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất là các hoạt động thực hiện chức năng phục vụ hành khách; phục vụ hành lý, bưu gửi; phục vụ tàu bay trên sân đỗ, kiểm soát trọng tải, khai thác chuyến bay và các hoạt động hỗ trợ khai thác tàu bay khác tại cảng hàng không, sân bay.

7. Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không là các hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng để đảm bảo các điều kiện kỹ thuật theo quy định của các phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

8. Trường hợp cơ sở hạ tầng của các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không nằm ngoài phạm vi ranh giới cảng hàng không, sân bay nhưng quy trình, dây chuyền cung cấp dịch vụ có liên quan trực tiếp đến các quy định về an ninh hàng không, an toàn khai thác tại cảng hàng không sân bay thì phải được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không theo quy định.

9. Trường hợp hãng hàng không tự cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay đối với dịch vụ vận chuyển của hãng hàng không, hãng hàng không có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cung cấp dịch vụ:

a) Có tổ chức bộ máy bảo đảm việc cung ứng các dịch vụ liên quan trực tiếp đến hoạt động hàng không tại cảng hàng không, sân bay và nhân viên được cấp

giấy phép, chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, khai thác tại cảng hàng không, sân bay;

b) Có trang bị, thiết bị và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm phục vụ an toàn hàng không, an ninh hàng không;

c) Được ghi nhận trong Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay.

Điều 68. Hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay

1. Doanh nghiệp cảng hàng không quyết định cho tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình để cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không theo quy định.

2. Doanh nghiệp cảng hàng không ký hợp đồng giao kết theo quy định đối với doanh nghiệp được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

Điều 69. Cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay cung cấp dịch vụ trong phạm vi giấy phép được cấp; được đầu tư xây dựng công trình phục vụ cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật; ký hợp đồng giao kết theo quy định với doanh nghiệp cảng hàng không.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải có phương án dự phòng để bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, không làm gián đoạn đến hoạt động hàng không, được phép thực hiện và tự chịu trách nhiệm về việc ngừng cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc đơn phương ngừng cung cấp dịch vụ phải được báo cáo trước bằng văn bản gửi đến Cục Hàng không Việt Nam và báo trước cho đối tác liên quan tối thiểu là 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến ngừng cung cấp dịch vụ, có nêu rõ lý do.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, phòng

cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, giá dịch vụ, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ.

4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, công trình môi trường của cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không đồng bộ, tương thích, phù hợp với hạ tầng kỹ thuật và môi trường của người khai cảng hàng không, sân bay và có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 70. Cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không

1. Việc tổ chức cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không không được làm ảnh hưởng đến khả năng cung ứng và chất lượng dịch vụ vận chuyển hàng không. Mặt bằng tổ chức cung cấp dịch vụ phi hàng không trong nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa phải tuân thủ theo tài liệu khai thác công trình.

2. Việc cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu dịch vụ tối thiểu, phù hợp với tính chất, quy mô và điều kiện của kết cấu hạ tầng cảng hàng không. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không phải thực hiện theo nguyên tắc cạnh tranh, chống độc quyền.

3. Không được tổ chức kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại khu bay, trừ các dịch vụ cần thiết gồm: cắt cỏ; xây dựng, lắp đặt, vệ sinh, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình, trang thiết bị hàng không và dịch vụ quảng cáo theo quy định tại Điều 71 của Nghị định này.

4. Cảng vụ hàng không giám sát việc tổ chức cung cấp dịch vụ phi hàng không đáp ứng nhu cầu tại cảng hàng không; đình chỉ có thời hạn hoặc yêu cầu người khai thác công trình hủy bỏ hợp đồng cung cấp dịch vụ phi hàng không đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, giá dịch vụ; đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ, sản phẩm bán ra; niêm yết công khai giá; bảo

đảm văn minh, lịch sự, chu đáo; đảm bảo sản phẩm đúng nhãn mác, có chứng nhận công bố chất lượng sản phẩm, nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa.

6. Các công trình kỹ thuật, công trình môi trường của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phi hàng không phải đồng bộ, tương thích, phù hợp với hạ tầng kỹ thuật và môi trường của người khai cảng hàng không, sân bay.

Điều 71. Hoạt động quảng cáo tại cảng hàng không, sân bay

1. Việc quy hoạch, xây dựng, lắp đặt và cấp phép cho các công trình quảng cáo tại cảng hàng không, sân bay được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo và pháp luật về xây dựng công trình.

2. Doanh nghiệp cảng hàng không, người khai thác công trình được thực hiện hoạt động quảng cáo theo quy định của pháp luật về quảng cáo tại phạm vi quản lý, khai thác.

3. Việc xây dựng công trình quảng cáo, lắp đặt phương tiện quảng cáo phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Không làm ảnh hưởng đến mỹ quan, kiến trúc nhà ga, hệ thống biển báo trong nhà ga;

b) Không đặt biển quảng cáo, sử dụng tờ rơi, âm thanh để quảng cáo tại khu bay;

c) Không đặt biển quảng cáo tại vị trí cửa thoát hiểm của các công trình;

d) Không đặt biển quảng cáo ảnh hưởng đến công tác an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, cản trở luồng di chuyển của người và phương tiện;

đ) Không sử dụng âm thanh để quảng cáo tại các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay; tại các công trình khác ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ hàng không;

e) Không lắp các đèn hiệu, biển quảng cáo có sử dụng đèn xoay, đèn laze và các thiết bị chiếu sáng gây ảnh hưởng đến hoạt động bay trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

g) Không quảng cáo bằng khinh khí cầu, bóng bay, diều và các vật thể bay khác trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

h) Không được lắp đặt các thiết bị điện tử, màn hình để quảng cáo trên các phương tiện mặt đất hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, các thiết bị tại sân đỗ tàu bay;

i) Không quảng cáo trên phương tiện mặt đất hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, các thiết bị tại sân đỗ tàu bay làm ảnh hưởng đến hoạt động bay hoặc tính năng hoạt động bình thường của phương tiện, thiết bị.

4. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc xây dựng công trình quảng cáo, hoạt động quảng cáo; đình chỉ việc xây dựng công trình quảng cáo, hoạt động quảng cáo vi phạm các quy định của pháp luật; thông báo và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để xử lý các vi phạm về xây dựng công trình quảng cáo, hoạt động quảng cáo tại cảng hàng không, sân bay.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 72. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2021 và thay thế Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 73. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ)

STT	Tên các Mẫu đơn, giấy phép
Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 04	Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 05	Tờ khai cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không
Mẫu số 06	Giấy phép kinh doanh cảng hàng không
Mẫu số 07	Đơn đề nghị (của tổ chức) cấp, cấp lại, bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 08	Bản khai (của cá nhân) cấp, cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 09	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không

Mẫu số 01

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v đề nghị cấp....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ.....

Căn cứ.....

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay).....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị[1]: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận: -..... -.....	**GIÁM ĐỐC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

[1] ***Ghi chú:***

Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; trường hợp là cá nhân ghi rõ (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước cá nhân hoặc Hộ chiếu...); trường hợp là tổ chức ghi rõ (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

Mẫu số 02

<table>
<tr><td>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Số: /GCNĐK-CHK</td><td colspan="3">**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</td></tr>
<tr><td colspan="4">**GIẤY CHỨNG NHẬN**
ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
Cấp lần thứ:.....</td></tr>
<tr><td>**TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**
.....
.....</td><td>**TỌA ĐỘ**
□ Vĩ độ
□ Kinh độ</td><td colspan="2">**THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ**
□ Đang xây dựng
□ Đã hoàn thành xây dựng</td></tr>
<tr><td colspan="4">**TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI ĐĂNG KÝ:**
.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">**MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:**
.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">**NĂNG LỰC KHAI THÁC:**
.....
CẤP SÂN BAY:
.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">**GHI CHÚ:**
.....</td></tr>
<tr><td colspan="2">Ngày, tháng, năm đăng ký vào Sổ:<br...../...../.....
Ngày, tháng, năm cấp:<br...../...../.....</td><td colspan="2">**CỤC TRƯỞNG**</td></tr>
</table>

Mẫu số 03

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*
V/v đề nghị cấp....	

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ.....

Căn cứ.....

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay).....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị[1]: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận:	**GIÁM ĐỐC**
-.....	*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
-.....	

[1] ***Ghi chú:***

Đối với đề nghị giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; trường hợp là cá nhân ghi rõ (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước cá nhân hoặc Hộ chiếu...); trường hợp là tổ chức ghi rõ (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...); vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

Mẫu số 04

<table>
<tr><td>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Số: /GCNKT-CHK</td><td colspan="3">**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</td></tr>
<tr><td colspan="4">**GIẤY CHỨNG NHẬN**
KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
Cấp lần thứ:.....</td></tr>
<tr><td rowspan="2">**TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**
.....</td><td colspan="3">**TỌA ĐỘ**</td></tr>
<tr><td>Vĩ độ.....</td><td colspan="2">Kinh độ.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">**TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY:**
.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">**MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:**
.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">**NĂNG LỰC KHAI THÁC:**
.....
CẤP SÂN BAY:
.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">**GHI CHÚ:**
.....</td></tr>
<tr><td colspan="2">Ngày, tháng, năm cấp:<br...../...../.....
Ngày, tháng, năm hết hiệu lực:<br...../...../.....</td><td colspan="2">**CỤC TRƯỞNG**</td></tr>
</table>

Mẫu số 05

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	*....., ngày... tháng.... năm...*

TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ.....

Căn cứ.....

Công ty..... đề nghị Bộ Giao thông vận tải cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân (hoặc thẻ căn cước), nơi cấp, ngày cấp).

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

Nơi nhận: -..... -.....	**GIÁM ĐỐC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 06

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI Số:...../GPKDCHK-CHK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG Cấp lần.....	
TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG: .... **SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG**	
GHI CHÚ:	

Mẫu số 07

TÊN CƠ QUAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp/Cấp lại/Bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

1. Tên đầy đủ của tổ chức: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

3. Thông tin người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:..... Chức vụ:.....

4. Thông tin liên hệ: (tên người có trách nhiệm, điện thoại, địa chỉ email)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại/bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay cho (số lượng:.....) nhân viên của Công ty *(có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo).*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08

Ảnh màu
3 x 4
(dấu giáp lai
đóng kèm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Cấp/Cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Họ và tên (Chữ in hoa có dấu)..... Nam/Nữ:.....
Ngày sinh:..... Quốc tịch:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Số CMTND (Thẻ căn cước công dân):..... Ngày cấp:.....
Cơ quan công tác:.....
Chứng chỉ chuyên môn:
1..... Do cơ sở: ..... Cấp ngày:.....
2..... Do cơ sở: ..... Cấp ngày:.....
3..... Do cơ sở: ..... Cấp ngày:.....
Điện thoại liên hệ :.....
Số Giấy phép NVHK đã được cấp *(nếu có)*:..... Ngày cấp:.....
Lý do *(trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép)*:.....

Xác nhận của tổ chức	*....., ngày..... tháng..... năm.....*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	**Người làm đơn**

Mẫu số 09

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT

Số:.....

Căn cứ quy định tại Nghị định số...../20..../NĐ-CP ngày..... của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận sản phẩm dưới đây sản xuất tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện kỹ thuật đưa vào khai thác tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam.

Tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận	
Nhà sản xuất	
Sản phẩm	
Mã hiệu sản phẩm	
Bộ hồ sơ sản phẩm gồm có: Hồ sơ thiết kế Hồ sơ kiểm tra thử nghiệm Hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng Đặc tính kỹ thuật chi tiết	
Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	
Ngày ban hành	

Giấy chứng nhận này không có giá trị đối với các sản phẩm:

- Được sản xuất khác với hồ sơ thiết kế được phê duyệt.
- Không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng./.

Nơi nhận:
-.....
-.....

CỤC TRƯỞNG